

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ chuyên môn năm 2026.
- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ chuyên môn năm 2026.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Nhi Thái Bình
- Nguồn vốn: Từ nguồn thu viện phí, bảo hiểm y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II, 2026.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Nhi Thái Bình

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

1.2.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

1. Có cam kết hàng hóa mới 100% và sản xuất từ năm 2026 trở lại đây, đúng quy cách của nhà sản xuất, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Thông tin hàng hóa phải đảm bảo theo quy định Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu;

2. Cam kết cung cấp Chứng nhận xuất xứ nguồn gốc CO; giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất CQ; tờ khai Hải quan; Invoice (hóa đơn); Packing List (Phiếu đóng gói/bảng kê/phiếu chi tiết hàng hóa); và các tài liệu liên quan theo quy định của hàng sản xuất trong quá trình bàn giao, lắp đặt hàng hóa.

3. Cam kết khác:

3.1. Nhà thầu cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin trong E-HSDT

3.2. Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng cung ứng hàng hóa cho Bệnh viện, trong trường hợp hàng hóa trúng thầu có cập nhật giá bán kê khai/kê khai lại thấp hơn giá trúng thầu đã được phê duyệt thì Nhà thầu có trách nhiệm thông báo kịp thời đến Bệnh viện, đồng thời Nhà thầu phải điều chỉnh đơn giá cung ứng đảm bảo không vượt giá bán kê khai/kê khai lại kể từ ngày kê khai/kê khai lại được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền chênh lệch nếu không thực hiện theo đúng quy định này (số tiền chênh lệch = đơn giá chênh lệch X số lượng hàng hóa cung ứng). Trong trường hợp nếu hàng hóa trúng thầu có giá kê khai/kê khai lại bị rút khỏi trang thông tin điện tử của Bộ Y tế, Nhà thầu sẽ có trách nhiệm thông báo kịp thời đến Bệnh viện. Nếu Nhà thầu không thực hiện theo đúng quy định này, Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường số tiền tương ứng với thiệt hại do sai phạm trong việc kê khai giá hàng hóa gây ra.

Trong trường hợp Nhà thầu không thông báo tới Bệnh viện, nếu Bệnh viện hoặc các cơ quan có thẩm quyền phát hiện ra kể cả trường hợp đã kết thúc thực hiện hợp đồng thì Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền tương ứng với thiệt hại do sai phạm của Nhà thầu gây ra cho Bệnh viện.

3.3. Cam kết cung ứng hàng hóa kịp thời, chính xác, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam. Khi giao hàng có Phiếu báo lô, hạn sử dụng.

3.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm về bảo quản hàng hóa và chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển, tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp hàng hóa đã giao mà không đảm bảo chất lượng hoặc xảy ra nhiều tai biến trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền thì nhà thầu phải thu hồi và tự vận chuyển hàng hóa từ kho Bệnh viện, nhà thầu chịu mọi phí tổn phát sinh từ việc thu hồi hàng hóa.

3.5. Bảo hành các sự cố đột xuất: khi nhận được thông báo của Bệnh viện Nhi Thái Bình, cán bộ có thẩm quyền của nhà thầu phải có mặt trong vòng 24 giờ để giải quyết các vướng mắc và khắc phục sự cố.

3.6. Nhà thầu cam kết sẵn sàng giải trình với các cơ quan chức năng khi Bệnh viện Nhi Thái Bình có yêu cầu, và cam kết giải quyết kiến nghị (nếu có) của cơ quan chức năng.

3.7. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, Nhà thầu phải cam kết xuất trình được tài liệu của hãng sản xuất nhằm xác định trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc đảm bảo cung cấp đủ số lượng, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như bảo hành, bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế, các dịch vụ liên quan khác đảm bảo trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được tài liệu nêu trên thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.

4. Nhà thầu phải cung cấp Bảng tính đáp ứng của hàng hóa chào thầu trong đó có chỉ dẫn tham chiếu tài liệu của nhà sản xuất như Catalogue hoặc bản thông số kỹ thuật của thiết bị hoặc tài liệu khác của Hãng sản xuất. Lưu ý: Tất cả các tài liệu sử dụng ngôn ngữ nước ngoài phải đính kèm bản dịch thuật sang tiếng Việt và công chứng. Nhà thầu nộp Bảng tính đáp ứng định dạng *.doc đính kèm E-HSDT.

5. Đóng gói, vận chuyển: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Hàng hóa được giao tại Bệnh viện Nhi Thái Bình – Địa chỉ: Số 02 phố Tôn Thất Tùng, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên.

- Đào tạo, huấn luyện sử dụng thiết bị, hiệu chỉnh thiết bị khi cần thiết

1.2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Bất kỳ nhãn hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, nhãn hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu. Quy cách (nếu có) không phải tiêu chí để loại bỏ nhà thầu, nhà thầu có thể tham khảo, quy đổi cho sản phẩm chào thầu.

Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Phần 1: Thiết bị y tế cận lâm sàng: Bàn ép huyết tương; kim vuốt dây máu; Máy ép túi; Máy lắc vortex; Máy ly tâm tế bào Cytospin; Máy hấp nhiệt độ cao 300 lít	
1.1	Bàn ép huyết tương	I. Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện. - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương; - Bảo hành: ≥ 12 tháng (Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành). - Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng. II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương), tính năng kỹ thuật: - Lực ép $\geq 20N$ - Kích thước túi máu/huyết tương: $\leq 250ml$ - $\geq 500ml$ - Kích thước bên ngoài (rộng x sâu x cao): 165 x 240 x 250mm ($\pm 10mm$)
1.2	Kim vuốt dây máu	I. Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện. - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương; - Bảo hành: ≥ 12 tháng (Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành). - Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng. II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương), tính năng kỹ thuật: - Vật liệu thân máy: Hợp kim nhôm hoặc Thép không gỉ hoặc Nhựa tổng hợp chuyên dụng. - Kim có chức năng vuốt, kẹp và cắt dây túi máu.
1.3	Máy ép túi	I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện. - Nguồn điện sử dụng: Phù hợp với lưới điện áp tại Việt Nam, bao gồm ắc quy sạc trong máy. - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương; - Bảo hành: ≥ 12 tháng

		- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương), tính năng kỹ thuật
		- Gồm 3 bộ phận chính là động cơ, băng tải và bộ điều khiển gồm 4 nút: công tắc nguồn, công tắc nhiệt, công tắc quạt làm mát, công tắc in ngày và đồng hồ điện tử cài đặt nhiệt độ. - Được sử dụng để hàn miệng túi dược phẩm và các sản phẩm y tế.
1.4	Máy lắc Vortex	I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện. - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng một trong: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương; - Nguồn điện sử dụng: Phù hợp với lưới điện áp tại Việt Nam hoặc nguồn 100-240V - Bảo hành: ≥ 12 tháng - Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng. II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương), tính năng kỹ thuật - Máy chính: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ tiếng Việt - Chuyên động: Lắc tròn/lắc ngang - Tốc độ lắc: 0 - ≥ 3300 vòng/phút - Chế độ lắc: Liên tục và ấn giữ - Hiện thị mức độ lắc. - Kích thước [W × H × D]: 155*180*135 mm (± 10mm) - Có chức năng chuyển đổi giữa chế độ khuấy liên tục và công tắc cảm ứng, bật khuấy khi ấn nhẹ đầu và tắt khi thả ra. - Công suất lắc cố định/mẻ: ≥ 8 ống vi mô 0,5ml + 8 ống vi mô 1,5/2,0ml + 1 ống ≥ 50 ml (cầm tay). Có chức năng khuấy ở bất kỳ tốc độ nào.
1.5	Máy ly tâm tế bào Cytospin	I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% - Xuất xứ: G7

		- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương;
		- Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60 Hz
		- Bảo hành: ≥ 12 tháng
		- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương):
		- Máy chính: 01 cái
		- Bộ phụ kiện tiêu chuẩn 01 bộ gồm:
		+ Rotor: 01 cái
		+ Bộ kẹp mẫu: 12 cái
		+ Giỏ chứa mẫu (dùng 1 lần, 1 lỗ): 01 hộp
		+ Lam kính có 1 vòng tròn: 01 hộp
		- HDSD: 01 bộ tiếng Việt
		III. Tính năng kỹ thuật:
		- Màn hình LCD hoặc tương đương
		- Hệ thống điều khiển bằng vi xử lý.
		- Có thể ly tâm trên 1 lam kính:
		- Dung tích mẫu: $\leq 0.3 - \geq 0,5$ ml.
		- Số lượng mẫu ly tâm: ≥ 12 mẫu.
		- Số chương trình: ≥ 10 chương trình.
		- Tốc độ ly tâm: ≤ 400 đ - ≥ 2000 vòng/phút với mỗi bước thay đổi ≤ 100 vòng/phút.
		- Tốc độ gia tốc chọn ≥ 02 cấp gia tốc
		- Thời gian ly tâm: $\leq 10s - \geq 99$ phút.
		- Thời gian tăng tốc: $\leq 12s$
		- Thời gian giảm tốc: $\leq 13s$
		- Độ ồn: ≤ 38 dB
		- Có chức năng hẹn giờ khởi động
		- Có chức năng khởi động mềm, dừng mềm
		- Tự động mở nắp khi kết thúc chu trình, có thể bật/tắt

1.6	Máy hấp nhiệt độ cao 300L	I. Yêu cầu chung:
		- Năm sản xuất: năm 2026 trở về sau, mới 100%
		- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương;
		- Tiêu chuẩn chịu áp lực: USA ASME hoặc PED hoặc tương đương
		- Xuất xứ: Châu Âu
		- Nguồn điện: sử dụng hợp với điện lưới Việt Nam
		- Điều kiện hoạt động của thiết bị: Nhiệt độ môi trường: $\geq 40^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $\geq 85\%$.
		- Bảo hành: ≥ 12 tháng
		- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành.
		- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương):
		- Máy chính: 01 máy
		- Bộ phụ kiện theo máy bao gồm:
		- Bộ tạo hơi nước tích hợp trong máy: 01 bộ
		- Bơm chân không tích hợp trong máy: 01 cái
		- Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái
		- Máy ủ độc chỉ thị sinh học cho: Hơi nước: 01 cái
		- Chỉ thị sinh học: 50 ống
		- Chỉ thị hoá học đa thông số (type 5): 200 test
		- Giá để dụng cụ: 01 cái
		- Xe đẩy đồ: 02 cái
		- Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
		III. Tính năng kỹ thuật:
		3.1. Thông số chung
		- Dung tích: ≥ 300 lít
		- Công suất: ≥ 30 kW
		- Áp suất: ≥ 7 Bar
		- Dải nhiệt độ: $\leq 105^{\circ}\text{C}$ - $\geq 140^{\circ}\text{C}$
		3.2. Buồng tiệt trùng:

		- Kích thước buồng ($\Theta \times L/\text{mm}$): $\geq 500 \times 800$ - Chất liệu: Chất liệu thép không gỉ 304 hoặc cao cấp hơn - Buồng máy cấu trúc ≥ 2 lớp, đảm bảo nhiệt độ ổn định, giảm ngưng tụ hơi nước - Độ dày buồng máy (Chamber): $\geq 5\text{mm}$, vỏ buồng tiết trùng (Jacket) $\geq 3\text{mm}$
		3.3. Cửa
		- Số cửa: ≥ 02 cửa, cửa trượt tự động - Có khoá liên động 2 cửa, khoá liên động an toàn áp suất - Có cảm biến chống kẹt, tự động dừng hoặc đảo ngược chiều nếu bị kẹt trong khi đang mở hoặc đang đóng - Các cửa có khóa liên động với nhau, chỉ mở được một cửa tại một thời điểm
		3.4. Bộ tạo hơi nước tích hợp
		- Chất liệu: Chất liệu thép không gỉ 304 hoặc tốt hơn, độ dày $\geq 3\text{ mm}$ - Dung tích bộ tạo hơi: $\geq 40\text{L}$ - Công suất tạo hơi: $\geq 30\text{ kW}$
		3.5. Bơm chân không
		- Bơm chân không vòng chất lỏng, có chức năng tiền hút chân không, công suất $\geq 2.2\text{ kW}$ - Áp suất chân không: $\leq 60\text{mBar}$ (tương đương) 6 kPa
		3.6. Hệ thống sấy khô
		- Có tính năng sấy khô tự động tích hợp trong máy - Màng lọc khí HEPA hoặc tương đương
		3.7. Hệ thống điều khiển:
		- Màn hình cảm ứng $\geq 6.7\text{ in}$ hiển thị số và đồ thị - Điều khiển: bằng PLC hoặc tương đương - Tích hợp máy in để in ngày, giờ và các thông số tiết khuẩn - Hệ thống quản lý người dùng ≥ 4 cấp độ: nhân viên, giám sát, kỹ thuật, kỹ sư nhà máy - Số cảm biến nhiệt độ trong buồng tiết trùng: ≥ 01 cái - Số cảm biến áp suất: ≥ 3 cái, buồng làm việc, nồi hơi, vỏ áo - Có cảnh báo bằng hình ảnh, âm thanh, in ấn. Hiển thị danh sách cảnh báo trên màn hình - Có cổng RS232, tùy chọn kết nối Gsm, Ethernet, Computer để kết nối mạng và các thiết bị ngoại vi khác hoặc tương đương

		3.8. Chương trình tiệt trùng: - Các chương trình: ≥ 29 chương trình - Bao gồm tối thiểu: Tiệt trùng vải, Dụng cụ, Cao su, Chất lỏng, kiểm tra B&D, PCD, Kiểm tra rò rỉ chân không, và các chương trình tùy chỉnh theo người dùng - Thời gian hoàn thành chu trình cho dụng cụ y tế và phẫu thuật (134°C): ≤ 60 phút - Lưu trữ dữ liệu ≥ 1000 chu kỳ. Dữ liệu được truyền được ra ngoài qua USB - Có chức năng tự kiểm tra và hiển thị trạng thái thiết bị 3.9. Bảo vệ thiết bị và an toàn người sử dụng - Có các van an toàn và các bộ phận cảm biến mực nước, nhiệt độ, áp suất để đảm bảo an toàn trong suốt quá trình vận hành. - Có cảnh báo bằng hình ảnh, âm thanh, in ấn. Đo mức nước trong nồi hơi, bể chứa. Cảm biến nhiệt độ, áp suất 3.10. Máy ủ và đọc chỉ thị sinh học tự động - Sử dụng để ủ và đọc chỉ thị sinh học cho ≥ 3 công nghệ tiệt trùng: Hơi nước, EO, Plasma - Thời gian ủ và cho kết quả nhanh nhất: Hơi nước: ≤ 20 phút; - Có ≥ 3 vị trí giếng ủ và đọc chỉ thị sinh học 3.11. Chỉ thị hoá học đa thông số (type 5): - Chỉ thị hoá học type 5, kiểm soát ≥ 3 thông số quá trình tiệt trùng - Số mẻ và ngày hết hạn, mã QR được in trên mỗi que chỉ thị 3.12. Chỉ thị sinh học cho kết quả trong ≤ 60 phút - Chứa 10 triệu bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i> (ATCC7953) trong mỗi ống. - Thời gian đọc kết quả: ≤ 60 phút
2	Phần 2: Thiết bị y tế xét nghiệm: Hệ thống Realtime PCR; Máy định nhóm máu tự động	
2.1	Hệ thống Realtime PCR	I. Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương; - Nguồn điện sử dụng: Phù hợp với lưới điện áp tại Việt Nam - Bảo hành: ≥ 12 tháng - Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành.

		- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương), tính năng kỹ thuật:
		- Hệ thống máy chính Real-time PCR: 01 bộ
		- Bộ phụ kiện chuẩn đi kèm máy bao gồm:
		+ Máy tính: 01 bộ
		+ Bộ lưu điện $\geq 2\text{kVA}$: 01 bộ
		+ Bộ kit chạy thử máy: 01 bộ
		+ Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
		+ Phần mềm phiên giải kết quả tự động cho xét nghiệm đa tác nhân: 01 bộ
		+ Đĩa hiệu chỉnh đi kèm thích hợp cho phiên giải kết quả tự động: 01 bộ
		Thông số máy:
		- Công suất: ≥ 96 mẫu
		- Thể tích mẫu: $\leq 1 - \geq 50 \mu\text{l}$
		- Hình thức kết nối: USB ≥ 2.0 hoặc cao hơn, Ethernet, Wifi
		- Tiêu chuẩn về điện: IEC, CE hoặc tương đương
		Bộ phận gia nhiệt:
		- Phương pháp gia nhiệt và làm mát: Peltier hoặc tương đương
		- Tốc độ tăng/giảm nhiệt: $\geq 5^\circ\text{C}/\text{giây}$
		- Gia nhiệt nắp: $\leq 30^\circ\text{C} - \geq 110^\circ\text{C}$
		- Phạm vi nhiệt độ: $\leq 4 - \geq 100^\circ\text{C}$
		- Độ chính xác nhiệt độ: $\pm 0.2^\circ\text{C}$ với đích cài đặt 90°C
		- Độ đồng đều nhiệt độ: $\pm 0.3^\circ\text{C}$, trong vòng 10 giây khi đạt nhiệt độ mục tiêu
		- Có chức năng gradient:
		+ Dải nhiệt độ: $\leq 30^\circ\text{C} - \geq 100^\circ\text{C}$
		+ Bước thay đổi nhiệt độ: $\leq 1^\circ\text{C} - \geq 24^\circ\text{C}$
		Bộ phận đo quang:
		- Đèn kích thích: ≥ 6 đèn LED kèm kính lọc
		- Bộ phận phát hiện: ≥ 6 photodiode có kèm kính lọc
		- Khoảng bước sóng kích thích: $\leq 450 \text{ nm} - \geq 730 \text{ nm}$

		- Độ nhạy: Phát hiện được 1 bản sao trình tự mục tiêu trong bộ gen người
		- Dải động học: ≥ 10 log dải động học tuyến tính
		- Thời gian quét:
		+ Toàn bộ kênh: ≤ 12 giây
		+ Quét nhanh đơn kênh: ≤ 3 giây
		- Phân tích đa mục tiêu: ≥ 5 mục tiêu trong 1 giếng
		<u>Phần mềm:</u>
		- <i>Các chức năng phân tích:</i>
		+ PCR định lượng dựa vào đường chuẩn
		+ Phân tích đường cong nóng chảy
		+ Phân tích biểu hiện gen bằng giá trị tương đối (ΔCq) hoặc giá trị biểu hiện đã chuẩn hoá ($\Delta\Delta Cq$)
		+ Phân tích biểu hiện gen từ nhiều tập tin cùng lúc để so sánh một số lượng giá trị Cq không giới hạn
		+ Xác định kiểu gen (alen)
		+ Phân tích end-point PCR
		+ Kết quả phân tích thể hiện dưới dạng biểu đồ thanh, biểu đồ hộp và râu, biểu đồ chấm, phân tích cụm và biểu đồ phân tán
		- <i>Xuất dữ liệu:</i>
		+ Lưu trữ, sao chép và in toàn bộ đồ thị, bảng tính
		+ Xuất dữ liệu chuyên biệt ở nhiều định dạng
		+ Sao chép, dán vào các ứng dụng Microsoft Excel, Word hoặc Power point
		+ Báo cáo theo nhu cầu người dùng chứa các thiết lập phản ứng, đồ thị dữ liệu và bảng tính, có thể in trực tiếp hoặc lưu dưới dạng PDF
		+ Phần mềm có thể được thiết lập để gửi các tệp chạy qua email cho một người dùng được chỉ định sau khi lượt chạy hoàn tất
		- <i>Xuất hình ảnh:</i>
		+ Xuất định dạng RDML
		+ Xuất hình ảnh ở bất kỳ kích thước pixel nào và ở độ phân giải lên đến ≥ 600 dpi
		+ Lưu hình ảnh dưới dạng tệp .bmp, .jpg hoặc .png
2.2	Máy định nhóm máu tự động	<u>I. Yêu cầu chung:</u>
		- Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện

		- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương;
		- Nguồn điện sử dụng: Phù hợp với lưới điện áp tại Việt nam, hoặc nguồn cấp 100-240V AC 50/60Hz 1000VA.
		- Bảo hành: ≥ 12 tháng
		- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành.
		- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Yêu cầu cấu hình:
		- Máy chính tích hợp máy tính, màn hình: 01 bộ
		- Bộ phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo gồm:
		+ Khay đựng hóa chất loại 3ml; 10 ml, mỗi loại: 03 chiếc
		+ Khay đựng bệnh phẩm 13 ml: 06 chiếc
		+ Khay đựng bệnh phẩm 16 ml: 01 chiếc
		+ Khay đựng dung dịch pha loãng: 01 chiếc
		+ Bình đựng nước rửa: 02 chiếc
		+ Bình đựng nước thải: 01 chiếc
		- Bộ phụ trợ gồm:
		- Máy in khổ A4: 01 cái
		- Bộ lưu điện: 01 bộ
		- Bàn đặt máy: 01 chiếc
		- Ổ cứng back-up dữ liệu 1TB: 01 chiếc
		- Hóa chất chạy thử ban đầu: 01 bộ
		- HDSD tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
		- Hệ thống định nhóm máu hoàn toàn tự động, sử dụng Gel Card
		III. Tính năng kỹ thuật
		- Công suất: ≥ 53 test/h
		- Thời gian trả kết quả:
		+ Định nhóm máu ABO/Rh theo 2 phương pháp: ≤ 10 phút
		+ Hòa hợp phát máu trong môi trường AHG: ≤ 25 phút
		- Số mẫu xử lý đồng thời: ≥ 42 mẫu

		- Sức chứa Cassette: ≥ 148 cassette - Có ≥ 2 buồng ly tâm, vận hành độc lập trong máy, mỗi buồng ≥ 10 vị trí đặt card và không yêu cầu card cân bằng. Thời gian ly tâm: ≤ 5 phút - Sức chứa khay pha loãng hồng cầu: ≥ 96 giếng - Khay lạnh bảo quản hồng cầu mẫu: có
3	Phần 3: Thiết bị y tế tim mạch, thần kinh; Máy sốc điện; Đầu ghi holter; Máy điện cơ dẫn truyền thần kinh	
3.1	Máy sốc điện	I. Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương; - Xuất xứ: G7 - Nguồn điện sử dụng: 100-240V, 50/60 Hz - Bảo hành: ≥ 12 tháng - Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành. - Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng. II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương), tính năng kỹ thuật: 1. Máy sốc điện: 01 bộ 2. Phụ kiện tiêu chuẩn sau: - Giấy ghi: 01 cuộn - Cáp nối điện tim (Loại 3 điện cực): 01 cái - Bản cực sốc ngoài cơ thể cho người lớn/trẻ em: 01 bộ - Cáp nối điện cực tạo nhịp ngoài cơ thể: 01 cái - Điện cực sốc dùng một lần: 01 đôi - Gel tiếp xúc GELAID: 01 tuýp - Dây nguồn: 01 cái - Ác qui tự nạp: 01 cái 3. Tính năng - Phương pháp sử dụng công nghệ: hai pha - Loại sốc: bằng tay, đồng bộ

		- Hiển thị năng lượng nạp trên màn hình
		- Độ an toàn: Tuân thủ tiêu chuẩn IEC hoặc tương đương
		- Năng lượng: $\geq 270J$
		- Thời gian nạp ở chế độ phá rung bằng tay: $\leq 5s$ đến 270J; $\leq 4s$ đến 200J
		- Thời gian từ khi bật máy đến khi sạc đạt năng lượng tối đa ở chế độ phá rung bằng tay: $\leq 10s$
		- Màn hình: LCD màu hoặc tương đương
		- Kích thước: ≥ 6.5 inch
		- Hiển thị tham số: nhịp tim; ECG:
		- Dải đếm nhịp tim: $\leq 15 - \geq 300$ bpm ở chế độ sốc và chế độ theo dõi
		- Máy in: Chế độ in: in nhiệt
		-Ắc quy: sạc trong máy với thời gian sạc ≤ 3 giờ, dung lượng ≥ 2800 mAh
3.2	Đầu ghi Holter	I. Yêu cầu chung:
		- Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện
		- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương;
		- Xuất xứ: EU
		- Nguồn điện sử dụng: Pin sạc trong máy
		- Bảo hành: ≥ 24 tháng
		- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành.
		- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương):
		Tương thích máy Bệnh viện đang sử dụng: Model BTL-08 Holter H100. Bao gồm các thành phần:
		- Đầu ghi Holter điện tâm đồ
		- Cáp bệnh nhân 5 điện cực; 05 bộ
		- Dây đeo + bao da: 05 bộ
		- Thẻ nhớ SD: 05 cái
		- Đầu đọc thẻ nhớ: 01 cái
		- Cáp kết nối miniUSB: 01 dây
		- Hộp đựng máy.

3.3	Máy điện cơ dẫn truyền thần kinh	I. Yêu cầu chung:
		- Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện
		- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương;
		- Xuất xứ: EU hoặc G7
		- Nguồn điện sử dụng: Phù hợp với lưới điện áp tại Việt nam, hoặc nguồn sử dụng 100-240V, 50/60 Hz
		- Bảo hành: ≥ 12 tháng
		- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành.
		- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương):
		2.1. Máy điện cơ kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 chiếc bao gồm
		- Bộ khuếch đại tín hiệu (hộp điện cực) EMG/NCV ≥ 4 kênh: 01 bộ
		- Bộ xử lý trung tâm và phần mềm điều khiển: 01 bộ
		- Bộ nguồn cách ly lưới điện: 01 bộ
		- Máy tính chuyên dụng kèm màn hình ≥ 19 inch, dung lượng ổ cứng ≥ 256 GB; RAM ≥ 8 GB: 01 bộ
		- Xe đẩy (trolley) chuyên dụng: 01 bộ
		- Bộ kích thích điện thần kinh cầm tay (thính giác; thị giác; điện cực đo): 01 bộ
		- Bàn phím, chuột điều khiển: 01 bộ
		- Máy in: 01 cái
		2.2 Phụ kiện kèm theo
		- Điện cực bề mặt dùng cho đo dẫn truyền thần kinh: 01 bộ
		- Cáp kết nối điện cực: 01 bộ
		- Kim điện cơ dùng một lần
		- Footswitch điều khiển: 01 cái
		- Dây tiếp địa an toàn: 01 bộ
		III. Tính năng kỹ thuật:
		3.1. Các yêu cầu về mục đích sử dụng, nguyên lý hoạt động, công nghệ của thiết bị y tế: Thiết bị hoạt động trên nguyên lý ghi nhận, khuếch đại và phân tích tín hiệu điện sinh học của cơ và thần kinh, phục vụ chẩn đoán các bệnh lý thần kinh – cơ.

		- Ứng dụng công nghệ khuếch đại số, lọc nhiễu hiệu quả, đảm bảo độ chính xác và an toàn cho bệnh nhân.
		2.3. Các yêu cầu về chỉ tiêu kỹ thuật
		- Hệ thống khuếch đại đa kênh: ≥ 4 kênh).
		- Độ phân giải cao, độ nhiễu thấp.
		- Dải tần phù hợp cho EMG và NCV.
		2.4. Các yêu cầu kỹ thuật thể hiện chức năng của thiết bị
		- Thực hiện đầy đủ các kỹ thuật EMG kim và NCV.
		- Phân tích sóng F, phản xạ H.
		- Trở kháng vào: $\geq 1000 \Omega M$
		- Tạp âm: $\leq 0,6 \mu V_{rms}$
		- Hệ số nén nhiễu đồng pha CMRR: $\geq 110dB$
		- Độ nhạy: $\leq 1 \mu V/vạch - \geq 10 m V/vạch$, với ≥ 10 bước
		- Độ phân giải lấy mẫu: ≥ 18 bit
		- Lọc tần số thấp: $\leq 0,3Hz - \geq 2kHz$, với ≥ 12 bước
		- Lọc cao tần: $\leq 10Hz - \geq 10 kHz$, với ≥ 12 bước
		- Lọc xoay chiều: 50/60 Hz
		- Số lượng mẫu xử lý: ≥ 9900 mẫu
		- Thời gian xung kích thích điện: $\leq 0.01 - \geq 1 ms$
		- Tần số xung kích thích thính giác: $\leq 50 - \geq 10000 Hz$
		- Thời gian tăng/giảm âm thanh: $0 - \geq 3000 ms$
		- Phần mềm phân tích và báo cáo kết quả, lưu trữ và in ấn dữ liệu.
4	Phần 4 Thiết bị y tế khác: Máy lọc màng bụng, Ống nội soi đại tràng; Ống nội soi dạ dày video	
4.1	Máy lọc màng bụng	I. Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương; - Nguồn điện sử dụng: Phù hợp với lưới điện áp tại Việt Nam, hoặc nguồn điện 220-240V, tần số định mức 50/60 Hz - Bảo hành: ≥ 12 tháng

		- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành. - Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Yêu cầu cấu hình (hoặc tương đương):
		2.1. Máy lọc màng bụng liên tục kèm thiết bị phụ trợ và phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
		- Máy chính kèm màn hình màu OLED 5.5 inch: 01 máy
		- Bộ kết nối máy thẩm phân phúc mạc tự động: 01 bộ
		- Pin tích hợp trong máy: 01 chiếc
		- Dây nguồn: 01 cái
		- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 02 bộ
		2.2 Phụ kiện kèm theo
		- Catheter; 01 bộ
		- Túi dịch lọc
		- Túi đựng dịch xả 15 lít: 02 cái
		III. Tính năng kỹ thuật:
		- Bơm dịch lọc vào màng bụng với áp suất định mức $\pm 10,3$ kPa
		- Nhiệt độ làm nóng dịch lọc: $\leq 35^{\circ}\text{C}$ - $\geq 37^{\circ}\text{C}$
		- Số lần châm ban ngày: 0 - ≥ 9 ngày
		- Thể tích châm ban ngày:
		+ Chế độ tiêu chuẩn: $\leq 100\text{ml}$ - ≥ 3000 ml
		+ Chế độ châm thấp: $\leq 60\text{ml}$ - $\geq 1000\text{ml}$
		- Thể tích châm ban đêm:
		+ Chế độ tiêu chuẩn: $\leq 100\text{ml}$ - ≥ 3000 ml
		+ Chế độ châm thấp: $\leq 60\text{ml}$ - $\geq 1000\text{ml}$
		- Báo động xả dịch ban đầu:
		+ Chế độ chuẩn: $\leq 0\text{ml}$ - $\geq 3500\text{ml}$
		+ Chế độ châm thấp: $\leq 0\text{ml}$ - $\geq 1500\text{ml}$
		- Thời gian xả dịch ban đầu, chế độ châm thấp ≤ 1 - ≥ 30 phút
		- Thể tích châm lần cuối:
		+ Chế độ tiêu chuẩn: $\leq 0\text{ml}$ - ≥ 3000 ml

		+ Chế độ châm thấp: $\leq 0\text{ml} - \geq 1000\text{ml}$ - Pin dự phòng: điện áp 6V, thời gian lưu trữ ≥ 2 giờ - Các yêu cầu về mục đích sử dụng, nguyên lý hoạt động, công nghệ của thiết bị y tế: thiết bị tiên tiến cho phương pháp lọc màng bụng liên tục ban đêm (APD/CCPD) - Chế độ điều trị: CCPD (Lọc màng bụng liên tục theo chu kỳ), IPD (Lọc màng bụng liên tục), TIDAL (Chế độ Tidal/Lọc màng bụng liên tục liều cao). - Phần trăm thể tích Tidal: $\leq 40\% - \geq 95\%$. - Tổng UF (Ultrafiltration - Lọc siêu lọc): $\leq 10\text{ml} - \geq 10.000\text{ml}$ (10L). - Thể tích châm lần cuối: 0 ml hoặc $\leq 100 - \geq 3000\text{ml}$ hoặc $\leq 60 - \geq 1000\text{ml}$ (tùy chế độ).
4.2	Ống nội soi đại tràng	I. Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương; - Xuất xứ: G7 - Nguồn điện sử dụng: Phù hợp với lưới điện áp tại Việt Nam. - Bảo hành: ≥ 12 tháng - Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành. - Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng. - Dùng tương thích máy nội soi tiêu hóa Olympus (đang sử dụng tại đơn vị) II. Tính năng kỹ thuật (hoặc tương đương) - Cung cấp hình ảnh độ phân giải cao HDTV trở lên - Có hỗ trợ công nghệ tăng cường hình ảnh quang học ở dải bước sóng hẹp. - Có chức năng quan sát gần thông qua việc di chuyển ống soi đến gần niêm mạc đến $\leq 2\text{ mm}$ (Close Focus) - Thiết kế đầu nối ống soi chống thấm nước - Trường nhìn: $\geq 140^\circ$ - Hướng nhìn thẳng (Forward viewing) - Độ sâu trường nhìn: $\leq 2\text{ mm} - \geq 100\text{ mm}$ - Đường kính ngoài của đầu cuối ống soi: $\leq 12.8\text{ mm}$ - Đường kính ngoài của thân ống soi: $\leq 12.8\text{ mm}$

		- Đường kính bên trong kênh dụng cụ: ≤ 3.7 mm
		- Khoảng cách để nhìn thấy dụng cụ: ≤ 5.0 mm từ đầu cuối ống soi
		- Đầu cuối ống soi gồm các thành phần: 1 kênh khí/nước, 2 kênh dẫn sáng, 1 kênh thấu kính, 1 kênh dụng cụ, 1 kênh nước phụ
		- Độ uốn cong của đầu ống soi:
		+ Hướng lên: $\geq 180^\circ$
		+ Hướng xuống: $\leq 180^\circ$
		+ Hướng phải: $\geq 160^\circ$
		+ Hướng trái: $\geq 160^\circ$
		- Chiều dài làm việc: ≤ 1330 mm
		- Chiều dài tổng: ≤ 1655 mm
4.3	Ống nội soi dạ dày video	I. Yêu cầu chung:
		- Năm sản xuất: Năm 2026 trở về sau, mới 100% nguyên đai, nguyên kiện
		- Dùng tương thích máy nội soi tiêu hóa Olympus (đang sử dụng tại đơn vị)
		- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương;
		- Xuất xứ: G7
		- Nguồn điện sử dụng: Phù hợp với lưới điện áp tại Việt Nam.
		- Bảo hành: ≥ 12 tháng
		- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì, bảo dưỡng sau thời gian bảo hành.
		- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật: ≥ 08 năm kể từ khi bàn giao nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
		II. Tính năng kỹ thuật (hoặc tương đương):
		- Cung cấp hình ảnh độ phân giải cao HDTV hoặc tương đương
		- Có hỗ trợ công nghệ tăng cường hình ảnh quang học ở dải bước sóng hẹp
		- Có chức năng quan sát gần thông qua việc di chuyển ống soi đến gần niêm mạc đến ≤ 2 mm (Close Focus)
		- Thiết kế đầu nối ống soi chống thấm nước
		- Trường nhìn: $\geq 140^\circ$
		- Hướng nhìn thẳng (Forward viewing)
		- Độ sâu trường nhìn: ≤ 2 mm - ≥ 100 mm

		- Đường kính ngoài của đầu cuối ống soi: ≤ 9.2 mm
		- Đường kính ngoài của thân ống soi: ≤ 9.2 mm
		- Đường kính bên trong kênh dụng cụ: ≤ 2.8 mm
		- Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy dụng cụ: ≤ 3.0 mm từ đầu cuối ống soi
		- Đầu cuối ống soi gồm các thành phần: 1 kênh khí/nước, 2 kênh dẫn sáng, 1 kênh thấu kính, 1 kênh dụng cụ
		- Độ uốn cong của đầu ống soi:
		+ Hướng lên: $\geq 210^\circ$
		+ Hướng xuống: $\leq 90^\circ$
		+ Hướng phải: $\geq 100^\circ$
		+ Hướng trái: $\geq 100^\circ$
		- Chiều dài làm việc: ≤ 1030 mm
		- Chiều dài tổng: ≤ 1350 mm

1.3. Các yêu cầu khác

- Yêu cầu về phạm vi cung cấp: Cung cấp đến Bệnh viện Nhi Thái Bình. Mọi chi phí nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm, trong quá trình bàn giao sản phẩm. Nếu trong quá trình bàn giao sau khi hoàn thiện, hàng hóa không đảm bảo theo e-HSMT chủ đầu tư có quyền từ chối và yêu cầu khắc phục thay thế, nếu nhà thầu không thực hiện chủ đầu tư có quyền hủy bỏ mọi phát sinh nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Yêu cầu về tiến độ cung cấp: Cung cấp theo tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Yêu cầu về bảo hành tính từ thời điểm giao hàng đối với hàng hóa như sau:
 - + Thời gian bảo hành: Quy định tại Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.
 - + Phương thức bảo hành: Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử nhân viên đến kiểm tra không chậm quá 24 giờ kể từ khi được yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật:
 - Hàng hóa chào thầu phải đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật tại mục 2 Yêu cầu kỹ thuật Chương V.
 - Các phụ kiện kèm theo phải đầy đủ, đồng bộ đảm bảo cho thiết bị hoạt động đạt các chỉ tiêu kỹ thuật quy định của nhà sản xuất.
 - Nhà thầu điền đầy đủ thông tin Bảng tổng hợp thông tin sản phẩm và đính kèm file định dạng *.doc vào E-HSDT:

ST T	Danh mục hàng hóa mời thầu	Danh mục hàng hóa dự thầu	Thông tin sản phẩm dự thầu			Tiêu chuẩn chất lượng	Số và Kết quả phân loại	Thông tin điều kiện lưu hành	Thông tin kê khai giá hoặc niêm yết giá (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Phần 1: Thiết bị y tế cận lâm sàng: Bàn ép huyết tương; kìm vuốt dây máu; Máy ép túi; Máy lắc vortex; Máy ly tâm tế bào Cytospin; Máy hấp nhiệt độ cao 300 lít								
1.1	Bàn ép huyết tương								
1.2	Kìm vuốt dây máu								
1.3	Máy ép túi								
1.4	Máy lắc Vortex								
1.5	Máy ly tâm tế bào Cytospin								
1.6	Máy hấp nhiệt độ cao 300L								
2	Phần 2: Thiết bị y tế xét nghiệm: Hệ thống Realtime PCR; Máy định nhóm máu tự động								
2.1	Hệ thống Realtime PCR								
2.2	Máy định nhóm máu tự động								
3	Phần 3: Thiết bị y tế tim mạch, thần kinh; Máy sốc điện; Đầu ghi holter; Máy điện cơ dẫn truyền thần kinh								

3.1	Máy sốc điện								
3.2	Đầu ghi holter								
3.3	Máy điện cơ dẫn truyền thần kinh								
4	Phần 4 Thiết bị y tế khác: Máy lọc màng bụng, Ống nội soi đại tràng; Ống nội soi dạ dày video								
4.1	Máy lọc màng bụng								
4.2	Ống nội soi đại tràng								
4.3	Ống nội soi dạ dày video								

Ghi chú:

Cột 1: Ghi số thứ tự theo sản phẩm nhà thầu tham dự, ví dụ nhà thầu tham dự 10 sản phẩm thì đánh số thứ tự liên tục từ 1 đến 10 cho sản phẩm tham dự;

*Cột 2: Theo thông tin tại **khoản 2.2 mục 1 Chương V thuộc E-HSMT**: Nhà thầu phải ghi đúng theo thông tin mời thầu;*

Cột 3: Nhà thầu ghi rõ tên thương mại của sản phẩm được thể hiện trên tờ khai hải quan hoặc giấy phép nhập khẩu hoặc giấy phép đăng ký lưu hành sản phẩm (đối với hàng sản xuất tại Việt Nam) hoặc các tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa;

Cột 4: Nhà thầu ghi rõ chủng loại (mã hiệu).

Cột 5: Hãng/đơn vị sản xuất.

Cột 6: - Xuất xứ.

Cột 7: [Ghi tiêu chuẩn chất lượng ISO]; VD: ISO 13485:2016; ISO 9001:2015;

Cột 8: -[Ghi số văn bản phân loại]; -[Ghi kết quả phân loại: A, B, C, D]; VD: Số bảng phân loại: 95-3CL10/717 PL-TTĐV/170000027/PCBPL-BYT: Loại C;

Cột 9: Ghi thông tin lưu hành (số lưu hành, số đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu) đối với trang thiết bị y tế theo quy định của nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

Cột 10: Nhà thầu ghi -[Ghi mã kê khai trên Hệ thống công khai giá]; VD: KKG-0925-00043. Trường hợp, sản phẩm không kê khai trên trang của Bộ Y tế, nhà thầu cung cấp tài liệu về niêm yết giá theo quy định của Luật giá.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Thời gian: Trước khi chính thức bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Địa điểm: Tại nơi hàng hóa được bàn giao.
- Cách thức tiến hành:

+ Khi hàng hóa được chuyển đến bên mua, bên bán báo cho bên mua biết để hai bên cùng nhau tiến hành kiểm tra của hàng hóa, hóa đơn, chứng nhận chất lượng, chứng nhận xuất xứ (đối với hàng hóa nhập khẩu) ...

+ Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra thử nghiệm hàng hóa dưới sự giám sát của chủ đầu tư và cán bộ kỹ thuật đại diện của chủ đầu tư để chứng minh hàng hóa đó có chất lượng, đặc điểm kỹ thuật ... phù hợp với các quy định trong hợp đồng.

- Chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm: Mọi chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa đều do nhà thầu chịu trách nhiệm.

- Cách thức xử lý đối với hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm:

Hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ..., thì chủ đầu tư có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa bị từ chối. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế các hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

Sau khi hoàn thành các nội dung về Kiểm tra và Thử nghiệm hàng hóa, nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.